

Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam”

Vừa qua, tại Hà Nội, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương và Tỉnh ủy Quảng Nam cùng phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam”. Hội thảo được tổ chức nhân kỷ niệm 140 năm ngày sinh Huỳnh Thúc Kháng - một chí sĩ yêu nước nổi tiếng, nhà hoạt động văn hóa xuất sắc, nhà lãnh đạo mẫu mực, người cộng sự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con ưu tú của dân tộc Việt Nam và quê hương Quảng Nam.

Tham dự Hội thảo có đại diện lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương, tỉnh Quảng Nam, các địa phương cùng đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đầu ngành trong cả nước và đại diện gia tộc cụ Huỳnh Thúc Kháng.

Tại Hội thảo, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học đã đi sâu phân tích, xác định các nhân tố quê hương, gia đình, dòng họ, dân tộc, thời đại và những phẩm chất cá nhân tác động sâu sắc đến việc hình thành nhân cách, con người, con đường, chí hướng cứu nước, cuộc đời của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Các tham luận khẳng định: Cụ Huỳnh Thúc Kháng là nhà yêu nước nhiệt thành đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tài năng lãnh đạo của cụ Huỳnh Thúc Kháng thể hiện xuyên suốt từ khi tham gia lãnh đạo phong trào Duy Tân, Viện Dân biểu Trung kỳ và đặc biệt nổi bật khi cụ tham gia chính quyền cách mạng, đảm nhận cương vị Quyền Chủ tịch nước trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Pháp.

Cuộc đời của cụ Huỳnh Thúc Kháng là *tấm gương sáng về tinh thần yêu nước chân chính*, đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết, đồng thời là biểu tượng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, cả cuộc đời cụ chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập. Công hiến nổi bật của cụ đối với đất nước và dân tộc tập trung ở quãng thời gian giữ cương vị Quyền Chủ tịch Chính phủ (Quyền Chủ tịch nước), khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp. Thực hiện phương châm “đi bất biến ứng vạn biến”, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng đã điều hành Chính phủ tập trung vào các nhiệm vụ tối cao của toàn dân tộc, khéo léo, chủ động trong quan hệ đối nội, đối ngoại, tích cực chuẩn bị thể và lực của toàn dân, sẵn sàng đối phó âm mưu mở rộng xâm lược của thực dân Pháp; Cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng là *người tiêu biểu cho chính sách đoàn kết* của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cụ đã tích cực tham gia vận động và thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (25/9/1946), nhằm đoàn kết, tập hợp những cá nhân, tổ chức yêu nước chưa có điều kiện tham gia Mặt trận Việt Minh. Dưới sự lãnh đạo của Hội trưởng Huỳnh Thúc Kháng, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam đã thực hiện xuất sắc vai trò đoàn kết, tập hợp các cá nhân, tổ chức yêu nước cùng tham gia sự nghiệp bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất Tổ quốc, tự do và hạnh phúc của toàn dân; Cụ Huỳnh Thúc Kháng còn là *nhà hoạt động văn hóa xuất sắc*, thể hiện trên nhiều lĩnh vực văn học, báo chí, giáo dục...; là *tấm gương đạo đức* trong sáng, cao cả, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.

Các đại biểu nhân mạnh, tư tưởng, nhân cách cao đẹp và tài năng đức độ của cụ Huỳnh Thúc Kháng có ý nghĩa to lớn đối với công cuộc đổi mới hiện nay và là tấm gương sáng để các thế hệ con cháu hôm nay và mai sau học tập, noi theo.

HÀ LINH

Hội thảo quốc tế “An ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực: Kinh nghiệm EU - ASEAN và những gợi mở chính sách cho Việt Nam”

Vừa qua, tại Hà Nội, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam (VASS) phối hợp với tổ chức Konrad Adenauer Stiftung CHLB Đức tại Hà Nội (KAS) tổ chức Hội thảo quốc tế với chủ đề “An ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực: Kinh nghiệm EU - ASEAN và những gợi mở chính sách cho Việt Nam”. Tham dự Hội thảo có PGS.TS. Bùi Nhật Quang, Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Chủ tịch VASS và Ông Peter Girke, Trưởng đại diện Văn phòng KAS tại Hà Nội cùng đồng đạo các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học trong và ngoài nước.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, PGS.TS. Bùi Nhật Quang nhấn mạnh: Hội thảo được tổ chức nhằm mục tiêu tìm hiểu những vấn đề lý luận và thực tiễn về an ninh phi truyền thống trong bối cảnh hội nhập khu vực, xem xét vấn đề từ cách tiếp cận của một số quốc gia EU và ASEAN. Đồng thời là diễn đàn để các đại biểu tham dự có thể trao đổi, thảo luận, đánh giá, làm rõ các quan điểm khác nhau và đưa ra các bài học kinh nghiệm, các giải pháp để ứng phó với những thách thức ngày càng gay gắt của an ninh phi truyền thống trong bối cảnh hội nhập khu vực.

Hội thảo diễn ra với ba phiên thảo luận chính:

Phiên thứ nhất với chủ đề *Kinh nghiệm quốc tế ứng phó với các vấn đề an*

ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực, tập trung phân tích những động lực hội nhập khu vực và liên khu vực của EU và ASEAN trong mối quan hệ với những thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh của các tranh chấp lãnh thổ diễn ra trên biển Đông và mối quan tâm về an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng tại khu vực Đông Nam Á; so sánh và đối chiếu thực trạng nguồn năng lượng tái tạo và phát triển kinh tế-xã hội bền vững ở Trung Quốc và Indonesia và chỉ ra các khoảng trống trong việc đảm bảo tăng trưởng và phát triển kinh tế-xã hội bền vững; chia sẻ kinh nghiệm của các nước châu Âu trong việc giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống cũng như kinh nghiệm của Việt Nam ứng phó với các vấn đề an ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực.

Phiên thứ hai với chủ đề *Những vấn đề An ninh phi truyền thống trong tiến trình hội nhập khu vực và gợi mở chính sách cho Việt Nam*, phân tích kinh nghiệm của Malaysia về an ninh con người, cách đối phó và quản lý các vấn đề liên quan đến người tị nạn và lao động nhập cư trong tiến trình hội nhập khu vực; phân tích các vấn đề an ninh kinh tế ở cấp độ vĩ mô và an ninh môi trường trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của Việt Nam trong những năm qua và giai đoạn sắp tới.

Phiên thứ ba xem xét các vấn đề liên quan tới việc *Đối phó với các thảm họa tự nhiên và nhân tạo trong ASEAN*, bao gồm cả các tình huống xã hội bất thường, an ninh nguồn nước, sức khỏe và an ninh lương thực trong tiến trình hội nhập khu vực, an ninh hàng hải cho ngư nghiệp, thương mại, vai trò của cộng đồng ASEAN và sự lựa chọn chính sách của Việt Nam.

TA.

Hội thảo quốc tế “Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị”

Ngày 16/9/2016, tại thành phố Huế, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế đã tổ chức Hội thảo quốc tế “Di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn - Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị”. Tham dự Hội thảo có lãnh đạo Cục Di sản văn hóa, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và đại diện của nhiều cơ quan, ban ngành trong tỉnh Thừa Thiên Huế cùng các nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Các tham luận được trình bày tại Hội thảo đều đánh giá cao quy mô, tầm vóc và giá trị to lớn của các di sản văn hóa cung đình thời Nguyễn, đánh giá cao thành quả của công tác nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị các loại hình di sản trong những năm qua. Bên cạnh đó, một số tham luận cũng phân tích sâu sắc những mặt còn hạn chế ở một số lĩnh vực của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, từ đó đưa ra những kiến nghị khoa học, những giải pháp thiết thực để khắc phục cho giai đoạn trước mắt và tương lai.

Hội thảo thống nhất rằng, hiếm thấy ở các nước trên thế giới chỉ trong một khu di sản nhưng được UNESCO ghi danh 5 danh hiệu cao quý như Huế: Quần thể di tích Cố đô Huế được công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1993, Nhã nhạc cung đình Huế là Kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại năm 2003 (nay gọi là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại) và 3 Di sản tư liệu Thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương gồm: Mộc bản triều Nguyễn được công nhận năm 2009, Châu bản triều Nguyễn được công nhận năm 2014 và Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế được công nhận năm 2016. Đây là một kho tàng đồ sộ và vô giá về di sản văn hóa vật thể

và phi vật thể, hàm chứa nhiều giá trị nổi bật toàn cầu về di sản văn hóa, lịch sử, địa lý, tư tưởng, chính trị, quân sự, ngoại giao, pháp chế, triết học, giáo dục, văn hóa nghệ thuật... dưới triều Nguyễn.

Huế luôn nỗ lực thiết lập và duy trì sự hài hòa, cân bằng động giữa bảo tồn và phát triển bền vững theo tinh thần công ước của UNESCO. Đó là đã triển khai có hiệu quả các mặt hoạt động tương đối toàn diện để bảo tồn Quần thể di tích cố đô Huế theo hướng: Thống nhất về mặt quản lý nhà nước đối với khu di sản; xây dựng quy hoạch bảo tồn, kế hoạch quản lý khu di sản và các dự án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Bên cạnh việc tiếp tục bảo vệ và phát huy có hiệu quả kho tàng di sản văn hóa cung đình, Hội thảo cho rằng, Huế cần tiếp tục lựa chọn, nghiên cứu lập hồ sơ khoa học để đề xuất công nhận là di sản văn hóa quốc gia và di sản văn hóa thế giới cho các di sản đặc sắc nói trên.

Trong thời gian diễn ra Hội thảo, một số hoạt động đồng hành cũng được tổ chức, bao gồm: Triển lãm “Quốc hiệu và Kinh đô đất nước qua các thời kỳ lịch sử (từ khởi thủy đến 1945)”; Triển lãm “Một điểm đến - Năm Di sản” và Lễ khánh thành bảo tồn trùng tu di tích Triệu Tổ Miếu.

MINH MINH

Hội thảo khoa học “Phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nam bộ sau 30 năm đổi mới”

Ngày 28/10/2016, tại thành phố Cần Thơ, Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn phát triển thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam đã tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề *Phát triển kinh tế-xã hội vùng Tây Nam bộ sau 30 năm đổi mới*. Hội thảo nằm trong khuôn khổ Đề tài “Tổng kết 30 năm đổi mới và phát triển vùng Tây Nam bộ trên quan điểm phát triển bền vững”, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp

quốc gia “Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Chương trình Tây Nam bộ) do Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam và Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh đồng chủ trì. Hội thảo gồm 15 tham luận, với sự tham gia của đông đảo các đại biểu là các nhà quản lý, nhà khoa học đến từ Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ, các sở, ngành của 13 tỉnh, thành vùng Tây Nam bộ, Học viện Chính trị Khu vực IV, Văn phòng Chương trình Tây Nam bộ, các viện nghiên cứu, trường đại học,...

Hội thảo nhận định, Tây Nam bộ là vùng đất đa dạng về văn hóa, dân tộc, tôn giáo... tạo nên bản sắc riêng độc đáo. Tuy vậy, kinh tế của vùng vẫn tồn tại nhiều điểm hạn chế về cơ cấu, động lực phát triển, thu hút đầu tư... khiến tăng trưởng bấp bênh, tiềm năng và lợi thế của vùng chưa được khai thác đúng mức. Có thể nói, nền kinh tế của vùng Tây Nam bộ tăng trưởng chưa ổn định và chưa vững chắc. Chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của sản phẩm còn thấp. Sản phẩm du lịch của vùng bị trùng lặp, khó khăn trong việc thu hút khách và giữ khách. Nguồn nhân lực trong vùng dồi dào nhưng chất lượng rất thấp, thiếu cả đội ngũ công nhân kỹ thuật lẫn chuyên gia. Toàn bộ hệ thống giao thông vùng chưa được quy hoạch một cách tối ưu dẫn đến khả năng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước còn hạn chế. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên được sử dụng thiếu hiệu quả, đang có nguy cơ cạn kiệt và suy thoái. Dân số đông nhưng cuộc sống còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Bên cạnh đó, đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá là một trong ba đồng bằng trên thế giới dễ bị tổn thương nhất do nước biển dâng...

Nội dung Hội thảo tập trung đánh giá tiến trình 30 năm đổi mới của vùng Tây

Nam bộ, từ đó tìm ra những giải pháp tối ưu cho tương lai phát triển của vùng trong tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế Việt Nam nói riêng và chiến lược phát triển nhanh, bền vững của Việt Nam nói chung. Các vấn đề cụ thể được bàn luận bao gồm: 1) Tổng kết, đánh giá về cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành chủ lực, sản phẩm chủ lực, làm rõ và chuẩn xác lại khái niệm an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp thông minh, từ đó có cơ sở để thay đổi tư duy và cách tiếp cận về lựa chọn cơ cấu kinh tế, ngành chủ lực, sản phẩm chủ lực dựa trên lợi thế và đặc thù của vùng; 2) Tổng kết, đánh giá về vấn đề liên kết nội vùng và liên vùng, đánh giá liên kết trong phát triển hạ tầng để tạo ra tính đồng bộ trong sự kết nối trong vùng; vấn đề phát triển các doanh nghiệp lớn, vấn đề thu hút đầu tư, vấn đề liên kết trong sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; 3) Tổng kết, đánh giá về chính sách phát triển của vùng, trong đó đặc biệt chú ý đến tính kết nối chính sách trong và ngoài nước, trong vùng và với các vùng lân cận; 4) Tổng kết, đánh giá về vấn đề thể chế và các vấn đề xã hội, về mô hình quản lý cấp vùng.

Theo các đại biểu, để phát triển bền vững kinh tế-xã hội vùng Tây Nam bộ, cần có những hành động thiết thực để hiện thực hóa các chỉ đạo của Chính phủ về phát triển kinh tế-xã hội vùng. Tây Nam bộ được xác định phát triển theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, bởi vậy phải bằng mọi cách đưa những thành tựu của công nghệ vào sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, các đại biểu cũng nhấn mạnh đến tính cấp thiết phải liên kết vùng 13 tỉnh, thành phố Tây Nam bộ để biến “lợi thế tĩnh” của từng địa phương thành “lợi thế động” của toàn vùng, tăng tính cạnh tranh cho hàng nông sản vùng trên thị trường trong và ngoài nước.

HOÀI PHÚC